TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11/5/2018
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO-TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Sang
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Bà Lê Thị Thu Yến

2- Bà Nguyễn Thị Hơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Yến Oanh là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Ông Tống Việt Nhân, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Bé B, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Số 165A/9, ấp Phú T1, xã Đồng P, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị Võ Thị Bé H, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Long HB, xã Đạo Th, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2018 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Văn Bé B trình bày: Anh và chị H sống chung như vợ chồng từ năm 2008 có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi đám cưới anh, chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về tài chính trong gia đình, vợ chồng thường hay cãi vả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn. Nay anh yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa anh và chị H, do anh chị không có đăng ký kết hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn H1, sinh ngày 01/01/2009 và Võ Kim N, sinh ngày 05/10/2016. Khi ly hôn anh B đồng ý giao hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh B cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/1tháng/2 cháu, cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi lao động được.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Võ Thị Bé H trình bày: Chị và anh B sống chung như vợ chồng từ năm 2008 có tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn, về mâu thuẫn giữa vợ chồng thì chị đồng ý theo trình bày của anh B là đúng, chị và anh B đã ly thân từ 6/2017 cho đến nay. Nay tình cảm giữa chị và anh B không còn. Chị

yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị và anh B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn H1, sinh ngày 01/01/2009 và Võ Kim N, sinh ngày 05/10/2016. Chị đồng ý tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con, anh B cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi lao động được.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phần trình bày, tranh luận của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Tại phiên tòa anh B trình bày: Anh và chị H sống chung như vợ chồng từ năm 2008 có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi đám cưới anh, chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cãi vả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên tình cảm không còn. Nay anh yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa anh và chị H.

Về con chung: Anh đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Văn H1, sinh ngày 01/01/2009 và Võ Kim N, sinh ngày 05/10/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu H1 và cháu N tròn 18 tuổi lao động được.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tại phiên tòa chị H thừa nhận, chị và anh B có tổ chức đám cưới vào năm 2008, không có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp và đã ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay. Anh B yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa chị và anh B thì chị đồng ý, vì tình cảm không còn, không còn khả năng đoàn tụ. Về con chung: Chị đồng ý nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn H1, sinh ngày 01/01/2009 và Võ Kim N, sinh ngày 05/10/2016 và đồng ý anh B cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/1tháng/2 cháu cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi lao động được. Về tài sản chung: Không có; Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét thấy, Anh B và chị H sống chung với nhau năm 2008, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh B yêu cầu không công nhận vợ chồng, chị H đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, anh B, chị H sống chung với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình nên không thể công nhận thuận tình ly hôn mà cần không công nhận vợ chồng giữa anh B và chị H là phù hợp quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về con chung: Anh B đồng ý giao hai con chung tên Nguyễn Văn H1, sinh ngày 01/01/2009 và Võ Kim N, sinh ngày 05/10/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh B cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi lao động được, chị H đồng ý, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu H1 và cháu N cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều

58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu H1 là mong muốn được sống với mẹ.

[6] Về tài sản chung: Tại phiên tòa anh B và chị H trình bày thống nhất là không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Tại phiên tòa anh B và chị H trình bày thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Anh B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các đương sự không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, yêu cầu áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Anh B và chị H sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị không công nhận anh B và chị H là vợ chồng. Về con chung: Giao cháu H1 và N cho chị H nuôi dưỡng, anh B cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi lao động được. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, đề nghị không xem xét. Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 14, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Bé B.

1- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn Bé B và chị Võ Thị Bé H.

2- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Văn H1, sinh ngày 01/01/2009 và Võ Kim N, sinh ngày 05/10/2016 cho chị Võ Thị Bé H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Bé B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi cháu H1 và cháu N tròn 18 tuổi lao động được.

Anh Nguyễn Văn Bé B có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Kể từ ngày chị Võ Thị Bé H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn Bé B chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5- Về án phí: Anh Nguyễn Văn Bé B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh B đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012368 ngày 03/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, nên anh B còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Nguyễn Văn Bé B, chị Võ Thị Bé H có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKS nhân dân TP.MT;
- Chi cục Thi hành án DS TP.MT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn-s.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đinh Thị Sang